TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST
Ngày 16-5-2022
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Ngô Thị Thúy Hảo

2. Ông Hồ Hữu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 652/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1993

Địa chỉ: số 11 tổ 4 ấp P, xã P, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Trần Tuấn K, sinh năm 1989

Địa chỉ: 25/28 N, phường T, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2021 và các lần làm việc tại Tòa, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Tú T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Trần Tuấn K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014, có tổ chức lễ cưới nhưng đến năm 2016 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K không lo làm ăn và cũng không quan tâm, chăm sóc vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tình

cảm gia đình rạn nứt. Do không thể tiếp tục chung sống cùng anh K nên chị T đã đưa các con chung về sống cùng gia đình tại huyện Long Điền được hơn 02 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Trần Tuấn K.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 11/7/2015 và Trần Khôi N, sinh ngày 15/5/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2021, bị đơn - anh Trần Tuấn K trình bày: Năm 2016, vợ chồng anh K đăng ký kết hôn tại huyện Long Điền. Vợ chồng có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 11/7/2015 và Trần Khôi N, sinh ngày 15/7/2017. Anh K không đồng ý ly hôn vợ.

Từ sau ngày 02/11/2021, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh K đến Tòa làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, tham gia buổi hòa giải, nhưng anh K vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu cho rằng:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tú T khởi kiện anh Trần Tuấn K về việc "Ly hôn", bị đơn – anh Trần Tuấn K có nơi cư trú tại thành phố Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa thì thấy: bị đơn đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết giấy báo hợp lệ yêu cầu đến Tòa để giải quyết vụ án, hòa giải, xét xử, tuy nhiên anh K vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không có yêu cầu phản tố; do đó, Hội đồng xét xử

căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Tú T và anh Trần Tuấn K đăng ký kết hôn ngày 28/01/2016 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian chung sống, chị Nguyễn Thị Tú T và anh Trần Tuấn K phát sinh mâu thuẫn là có thật, điều này thể hiện qua lời trình bày của chị T. Theo chị T thì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh K không lo làm ăn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nên vợ chồng đã sống ly thân 02 năm.

Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương ghi nhận: Anh K là người không biết lo làm làm, chăm sóc vợ con và xây dựng hạnh phúc gia đình. Anh K còn thi thoảng sử dụng may túy đá và đã từng bị tạm giữ vì có hành vi trộm cắp tài sản. Gia đình và cả tổ trưởng cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng anh K không thay đổi dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và chị T chuyển về sống cùng gia đình ở huyện Long Điền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho chị T và anh K giải quyết mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình nhưng không đạt kết quả. Anh K tới Tòa chỉ 01 lần tới làm việc theo giấy triệu tập của Tòa, mặc dù có ý kiến không đồng ý ly hôn nhưng các buổi làm việc, phiên họp, phiên hòa giải anh K không có mặt theo thời gian được thông báo theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Qua đó, có thể khẳng định anh K dù không đồng ý ly hôn nhưng có ý thức bỏ mặc hạnh phúc gia đình, không thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Nhận thấy, chị T và anh K đã sống ly thân 02 năm, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng hàn gắn tình cảm giữa chị T và anh K là không thể thực hiện được, chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Tú T và anh Trần Tuấn K.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh K có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 11/7/2015 và Trần Khôi N, sinh ngày 15/5/2017. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con 02 chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Anh K xác định có 02 con chung tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án anh K không có ý kiến, yêu cầu liên quan đến việc giải quyết vấn đền con chung. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay các con chung sống cùng với chị T. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 con cho chị Nguyễn Thị Tú T nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tú T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú T;

[1] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tú T được ly hôn anh Trần Tuấn K.

[2] *Về con chung:* Quá trình chung sống, chị T và anh K có 02 con chung tên Trần Nguyễn Tuệ N, sinh ngày 11/7/2015 và Trần Khôi N, sinh ngày 15/5/2017. Giao các con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh K được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Tú T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001224 ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, chị T đã nộp xong.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- VKSND TP Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TPVT;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Hồng Lợi

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán Chủ toạ phiên toà
Đặng Song Hoàn	**Nguyễn Văn Hải**	**Nguyễn Văn Kiên**